**Phụ lục V**

**DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND*

*ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

a) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn cho các sở, ngành: Không

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp | 1,446 | a | 1,446 x a |
| 2 | Mỗi phòng ở cho học sinh nội trú bổ sung, nâng cấp | 1,446 | b | 1,446 x b |
| 3 | Mỗi phòng quản lý cho học sinh nội trú bổ sung, nâng cấp | 1,446 | c | 1,446 x c |
| 4 | Mỗi nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp | 5,784 | d | 5,784 x d |
| 5 | Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp | 4,5 | e | 4,5 x e |
| 6 | Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp | 4,5 | g | 4,5 x g |
| 7 | Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc bổ sung, nâng cấp | 4,5 | h | 4,5 x h |
| 8 | Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp | 3,759 | i | 3,759 x i |
| 9 | Mỗi công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp | 2 | k | 2 x k |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a, b, c, d, e, g, h, i, k) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Không quá 10% vốn sự nghiệp tiểu dự án.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi người học xóa mù chữ | 0,5 | a | 0,5 x a |
| 2 | Mỗi lớp học xóa mù chữ | 10 | b | 10 x b |
| 3 | Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học | 0,05 | c | 0,05 x c |
| 4 | Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị | 500 | d | 500 x d |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

**2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các sở, ngành: Không quá 42% tổng số vốn nội dung của tiểu dự án (Ban Dân tộc không quá 16%, Công an tỉnh không quá 9%, Bộ Chỉ huy quân sự không quá 9%, Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai không quá 8%).

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã khu vực I  | 0,204 | a | 0,204 x a |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

**3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các sở, ngành: Không quá 2,5% tổng vốn tiểu dự án.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi học viên được đào tạo nghề | 0,035 | a | 0,035 x a |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) được sử dụng làm căn cứ phân bổ vốn cho các địa phương.

Số lượng học viên và nội dung chi cụ thể theo thực tế đã được tổng hợp theo Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

**4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp**

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc: Không quá 20% tổng vốn phân bổ tiểu dự án.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã khu vực I  | 15 | a | 15 x a |
| 2 | Mỗi ấp thuộc xã khu vực I | 1,5 | b | 1,5 x b |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |